TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 4

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số thập phân gồm 11 đơn vị, 7 phần mười và 4 phần nghìn viết là:

A. 11,0704 **B.** 110,704 **C.** 11,704 **D.** 11,74

Câu 2. Làm tròn số 140,537 đến hàng phần trăm ta được:

A. 140,54 **B.** 140,53 **C.** 140,56 **D.** 140,537

Câu 3. Kết quả của phép tính 8/7 × 3/8 (viết dưới dạng phân số tối giản) là:

A. 64/21 **B.** 3/7 **C.** 6/7 **D.** 24/15

Câu 4. Có 45,4 l nước mắm rót đều vào 5 can. Mỗi can có số lít nước mắm là:

A. 9,08 l **B.** 9,18 l **C.** 40,4 l **D.** 90,8 l

Câu 5. 8 ha = …… m²

A. 800 000 **B.** 80 000 **C.** 8000 **D.** 800

Câu 6. Hình thang có đáy lớn 25 cm, đáy bé 4 cm, chiều cao 13 cm. Diện tích hình thang là:

A. 377 cm² **B.** 188,5 cm² **C.** 42 cm² **D.** 650 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Phân số 3/4 viết được thành số thập phân 0,75	
b) Hỗn số 2 1/2 bằng 2,1	
c) 1 ha = 1 000 m²	
d) 0,5 = 0,50	

Bài 2. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 39,08 …… 39,07

b) 8,3 …… 8,30

c) 5 tấn 5 kg …… 5,05 tấn

d) 5 ha …… 50 000 m²

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 3,81 × 4 = ……

b) 2,96 × 2,8 + 2,96 × 7,2 = ……

c) 47,3 + 15,9 + 3,7 + 3,1 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9 m 4 cm = …… m

b) 9 kg 67 g = …… kg

c) 4 km² = …… ha

d) 8400 m² = …… ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 15 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 15 cm: …… cm²

c) Chu vi hình tròn đường kính 46 dm: …… dm

Bài 6. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 42,9 kg gạo, ngày thứ hai bán ít hơn ngày thứ nhất 4,3 kg, ngày thứ ba bán được 26,92 kg. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: …… kg

b) Cả ba ngày bán được: …… kg

c) Trung bình mỗi ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 4

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	A	B	A	B	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) Đ; b) S; c) S; d) Đ

Bài 2.

a) 39,08 > 39,07

b) 8,3 = 8,30

c) 5 tấn 5 kg < 5,05 tấn

d) 5 ha = 50 000 m²

Bài 3.

a) (2,5 × 4) × 3,81 = 10 × 3,81 = 38,1

b) 2,96 × (2,8 + 7,2) = 2,96 × 10 = 29,6

c) (47,3 + 3,7) + (15,9 + 3,1) = 51 + 19 = 70

Bài 4.

a) 9,04

b) 9,067

c) 400

d) 0,84

Bài 5.

a) 15 × 2 × 3,14 = 94,2

b) 15 × 15 × 3,14 = 706,5

c) 46 × 3,14 = 144,44

Bài 6.

Ngày thứ hai: 42,9 − 4,3 = 38,6 (kg)

Cả ba ngày: 42,9 + 38,6 + 26,92 = 108,42 (kg)

Trung bình: 108,42 : 3 = 36,14 (kg)